

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 50

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 52 trong kinh).

Đoạn thứ năm: Cảnh giới xuất hiện: Chính thức hiển bày về cảnh giới thuộc phạm vi giới hạn, bao gồm phân rõ về cảnh giới của pháp đã duyên vào (Sở duyên). Dựa vào nghĩa đầu, thì trước là dựa theo Trí để hiển bày về Tâm, đây là chính thức trình bày về phạm vi giới hạn thuộc Dụng của Trí. Dựa vào nghĩa sau, thì trước là trình bày về pháp có thể nhận biết (Năng tri), nay là phân rõ về pháp đã duyên vào. Bởi vì pháp đã duyên vào là Vô biên, cho nên hiển bày về phạm vi giới hạn khó nghĩ bàn; phạm vi giới hạn khó nghĩ bàn, cho nên mới tận cùng về cảnh giới của pháp đã duyên vào. Hai nghĩa tác thành lẫn nhau, như chiếc hộp và nắp đậy phù hợp với nhau.

Trong văn, Trường hàng phân ba: Nêu lên, giải thích và kết luận.

Trong giải thích có hai: Trước là Pháp, sau là Dụ.

Trong mục trước là Pháp, cũng có hai: Một- Mở rộng chọn lấy pháp đã duyên vào để hiển bày về cảnh giới thuộc phạm vi giới hạn; Hai- Gần gũi chọn lấy các tâm để so với cảnh giới của Phật.

Trong mục một lại có hai: 1- Nêu ra pháp đã duyên vào là Vô biên; 2- Hiển bày về phạm vi giới hạn là Vô lượng.

Mục 1- Nêu ra pháp đã duyên vào là Vô biên: Trước là khiến cho dùng Trí không có chướng ngại là pháp có thể nhận biết, bởi vì không phải Trí này thì không thể nào suy lường về cảnh giới của Phật. Sau là chính thức hiển bày về pháp đã duyên vào, văn có mười câu: Một- Tổng quát nêu ra chúng sinh đã giáo hóa. Hai- Thời gian giáo hóa. Ba- Nơi chốn giáo hóa. Bốn- Pháp giáo hóa. Năm- Người đã giáo hóa. Ba câu sáu-bảy-tám đều trình bày về pháp đã chứng, trong đó: Chân Như là nói đến Thế, luôn luôn cùng một vị cho nên nói là không có sai biệt, pháp

giới làm chỗ dựa cho pháp sinh ra, cho nên nói là Thật tế Vô ngại, là tận cùng thuộc Sự rất chân thật cho nên nói là Vô biên. Chín-Phạm vi giới hạn của nơi chốn giáo hóa. Mười-Rộng khắp tất cả.

Nếu dựa theo cảnh của hai Đế: Năm loại trước là Tục; ba loại tiếp là Chân; một loại tiếp là bao gồm Chân-Tục, bởi vì Sự Không-Lý Không đều là Không; một loại sau là Sự-Lý đều không phải, bởi vì hiển bày cảnh giới thuộc chín loại trước tức là như nhau không có.

Nếu dựa theo ba Đế: Không tức là Chân, cả ba đều Chân là Trung đạo.

Nếu dùng năm cảnh giới để thâm nhiếp: Ba loại đầu là thế giới vô lượng; bốn tức là cảnh giới điều phục và gia hạnh điều phục; năm tức là chúng sinh; ba loại tiếp tức là pháp giới; hai loại còn lại thì cả hai không phải (Song phi).

Trong mục 2- Từ “Phật tử, như nhất thiết...” trở xuống là hiển bày về phạm vi giới hạn là Vô lượng: a- Dựa theo mười cảnh để hiển bày về phạm vi giới hạn, bởi vì Cảnh và Trí phù hợp với nhau, cho nên đều là Vô lượng. b- Dựa theo không có cảnh để hiển bày về không phải là có, cho đến Chân Như đều không thể đạt được, là bởi vì các cảnh như mây ùn lên mà luôn luôn vắng lặng; như không có đã như vậy, như Chân Như... không có biến chuyển thay đổi... cũng như vậy.

Mục hai- Từ “Phật tử...” đến “Ứng tri tâm...” trở xuống là gần gũi chọn lấy các tâm để so với cảnh giới của Phật, trong đó có hai: 1- Chính thức trình bày; 2- Đưa ra giải thích.

Mục 1- Chính thức trình bày: Vô lượng vô biên là nói đến Tướng dụng rộng lớn, không ràng buộc-không cởi bỏ là trình bày về Thể tánh sâu xa vắng lặng.

Mục 2- Đưa ra giải thích. Ý đưa ra nói rằng: Vì sao lấy tâm so với cảnh giới của Phật? Ý giải thích rằng: Tự tâm của Bồ-tát, tùy theo suy nghĩ lập tức hiển bày, cho nên không có phần lượng; cảnh giới của Phật cũng như vậy, tùy theo căn cơ hiển bày rõ ràng, hoặc là Thân-hoặc là Trí, nào có phần lượng. Trí mượn suy nghĩ để hiển bày thì tánh không có ràng buộc-cởi bỏ, không ràng buộc vì tướng cho nên sau không có cởi bỏ.

Mục sau- Từ “Phật tử, như Đại long...” trở xuống là Dụ để hiển bày, vẫn có ba Dụ, hai Dụ trước dụ cho không ràng buộc-không cởi bỏ, một Dụ sau dụ cho vô lượng vô biên, vô lượng vô biên bao gồm đoạn trước.

Trong hai Dụ trước: Dụ một trình bày về mưa xuống không biết

từ đầu, chính là dụ cho không ràng buộc-không cởi bỏ, đã không có nơi đến thì có gì ràng buộc-cởi bỏ? Dụ hai trình bày về nước biển thuận theo tâm, dụ cho không có nhân của ràng buộc-cởi bỏ, nước thuận theo lực của tâm làm nhân, không nhất định ở trong hay ở ngoài, Trí thuận theo Nguyên xưa kia, bởi vì duyên khởi mà đến tức là không có đến.

Trong một Dụ sau: Dụ về nước biển sâu rộng, dụ cho vô lượng vô biên, có ba tiết: Một- Nêu ra chương mục khuyên nhủ lắng nghe; Hai- Từ “Phật tử, thử Diêm-phù...” trở xuống là Dụ để hiển bày; Ba- Từ “Phật tử, ư nhữ ý...” trở xuống là Pháp-Hợp.

Trong tiết hai là Dụ, có ba: 1- Riêng biệt hiển bày về nhiều nước, vẫn có bốn tiết: a- Nước ở bốn châu; b- Nước do Long Vương mưa xuống; c- Nước từ cung điện chảy ra; d- Nước do Long Vương Sa-kiệt, bao gồm mưa xuống và chảy ra, đều là càng về sau gấp bội so với trước, để hiển bày về sâu rộng. 2- Từ “Kỳ sở xuất...” trở xuống là bao gồm hiển bày về tướng của nước, tuôn vọt lên cho nên sóng dâng lên nhanh chóng, vì vật báu làm khô cạn cho nên sóng xuống thấp, đây là nói đến cuối cùng. 3- Từ “Phật tử, như thị Đại hải...” trở xuống là tổng quát hiển bày về vô lượng, bao gồm nước có bốn loại.

Trong tiết ba là Hợp, có hai: 1- Hợp với nước vô lượng, một niệm của Trí Phật đã không có cùng tận, hưởng hồ tận cùng ba đời, rộng khắp mười phương, trùng trùng đến trùng trùng, sao có thể dùng Dụ để hiển bày? 2- Từ “Phật tử...” đến “Ứng tri Như Lai...” trở xuống là hợp với tổng quát hiển bày về vô lượng, không những Trí làm cảnh giới của Phật, mà pháp phần Bồ-đề... đều là cảnh giới thuộc phạm vi giới hạn. Biển Trí hợp với nước, còn lại hợp với vật báu..., vẫn đều hiển bày có thể biết.

Trong tổng quát kết luận, tức là kết luận rằng: Nhận biết về ý, không nhận biết về cảnh giới của Phật, làm sao có thể lợi ích chúng sinh?

Phần Kế tụng, có năm kệ phân hai: Một kệ đầu, tụng về Pháp thuyết. Bốn kệ còn lại, tụng về Dụ trước đây, cũng có hai: Hai kệ trước hợp lại tụng về hai Dụ trước, cùng Dụ cho không ràng buộc-cởi bỏ; hai kệ sau, tụng về Dụ biển cả rộng sâu, chỉ tụng tổng quát hiển bày về vô lượng, vẫn còn lại lược qua không có.

Đoạn thứ sáu: Hạnh xuất hiện: Trước trình bày về phạm vi giới hạn thì Cảnh-Trí là vô biên, nay làm sáng tỏ về vận dụng thì Bi-Trí là vô tận, tuy biển Trí đã đầy đủ mà Bi không có dừng lại.

Trong Trường hàng có hai: Trước là nêu lên, sau là giải thích về

tướng.

Trong mục sau là giải thích về tướng, có ba: Một- Cùng nêu lên hai Hạnh; Hai- Cùng giải thích về hai Hạnh; Ba- Cùng kết luận về hai Hạnh.

Mục một- Cùng nêu lên hai Hạnh. Nghĩa có nhiều hàm chứa: 1- Hạnh thuộc Vô ngại, là Hạnh về Sự ngay nơi Lý; 2- Hạnh thuộc Chân Như, là Hạnh về Lý ngay nơi Sự. Trước tức là Tướng của Hạnh, sau tức là Thể của Hạnh. Lại trước là Bi ngay nơi Trí, sau là Trí ngay nơi Bi. Trước là Tục ngay nơi Chân, sau là Chân ngay nơi Tục. Dung thông mà Vô ngại là Hạnh của Như Lai.

Trong mục hai- Từ “Phật tử như Chân Như...” trở xuống là cùng giải thích về hai Hạnh, có hai: 1- Giải thích về Hạnh thuộc Chân Như; 2- Giải thích về Hạnh thuộc Vô ngại.

Mục 1- Giải thích về Hạnh thuộc Chân Như. Tên gọi của Chân Như, nói hàm chứa Pháp-Dụ, trong văn có ba tiết:

Tiết một- Nhắc lại tên gọi để giải thích, trình bày về Thể bật dứt ba đời, cho nên cùng là Chân Như. Hợp với Như thành tựu Hạnh, Hạnh tức là Như. Quá khứ-vị lai không phải là duyên, cho nên không sinh khởi-không thay đổi. Hiện tại là xa duyên, cho nên không phải là phát khởi.

Tiết hai- Lại nêu ra pháp giới vô hình, trình bày về cả hai không phải mà hợp với Trung đạo, vậy thì biết Thật tướng... đều là Hạnh của Như Lai.

Tiết ba- Nêu ra Dụ về chim bay giữa hư không, giải thích về nghĩa của Phi lượng. Phi lượng có hai nghĩa: 1- Hạnh rộng lớn vô lượng, cho nên nói Hạnh của Như Lai không có giới hạn. 2- Ngay nơi Sự cùng là Chân, thì không có phần lượng, cho nên dùng hư không để ví dụ. Đã không có Hữu lượng, thì sao có Vô lượng? Nếu nói Vô lượng thì chính là Lượng, cả hai không phải mà vĩnh viễn vắng lặng là Hạnh của Như Lai. Tâm càng rộng lặng, Hạnh càng rộng lớn, suốt ngày thực hành mà chưa hề thực hành. Vì vậy kinh Niết Bàn nói: “Lại có một Hạnh là Hạnh của Như Lai, đó gọi là Đại Bát Niết-bàn của Đại thừa.”

Mục 2- Từ “Phật tử, Như Lai Ứng Chánh Đẳng...” trở xuống là giải thích về Hạnh thuộc Vô ngại, trong văn có hai tiết: Một- Dựa theo Pháp để tổng quát trình bày; Hai- Dùng Dụ để riêng biệt hiển bày.

Tiết một- Dựa theo Pháp để tổng quát trình bày: Trí không trú vào nơi nào, Bi nêu ra những công hạnh, tức là Bi-Trí vô ngại, tự mình không có hai ngăn ngại, khiến cho người khác vô ngại, đều là Hạnh vô

ngại.

Trong tiết hai- Riêng biệt dùng Dụ để hiển bày, có hai Dụ: Đầu là Dụ về chim cánh vàng (Kim sí điểu) rẽ nước biển, dụ cho Bi ngay nơi Trí; sau là Dụ về mặt trời-mặt trăng không có suy nghĩ, dụ cho Bi không sai lạc Trí.

Mục ba- Từ “Phật tử...” đến “Ứng dĩ như thị...” trở xuống là cùng kết luận về hai Hạnh: Tánh là kết luận về Chân Như, Tướng là kết luận về Vô ngại.

Phần Kệ tụng, có năm kệ: Ba kệ trước, tụng về Hạnh thuộc Chân Như; hai kệ sau, tụng về Hạnh thuộc Vô ngại.

Đoạn thứ bảy: Quả của Hạnh viên mãn Bồ-đề xuất hiện: Bởi vì đối với duyên thành tựu tu tập, cho nên nhất định phải có thành tựu Chánh giác.

Trong văn có ba mục: Nêu lên, giải thích về tướng và tổng quát kết luận.

Trong nêu lên: Nói về Chánh giác, sơ lược hiển bày về năm môn.

Một: Giải thích tên gọi: Thời Tấn gọi là Bồ-đề, là giữ lại tiếng Phạn. Ở đây phiên ra là Giác, chính là chọn ra Nhị thừa thành tựu khác với Bồ-tát, Hội thứ nhất đã hiển bày. Lại chỉ nói về Bồ-đề, chỉ là Đạo đã giác ngộ. Nay nói thành tựu, tức là tên gọi của Lý-Trí kế hợp.

Hai: Trình bày về Thể tánh, Nhiếp Luận nói: “Hai Trí-hai Đoạn là thể của Bồ-đề.” Trí Luận nói: “Bồ-đề và Bồ-đề Đoạn cùng gọi là Bồ-đề.” Nếu dựa vào kinh này thì thông suốt tất cả pháp, đầy đủ như văn.

Ba: Phân rõ về chủng loại: Hoặc là nói chỉ một loại, bởi vì Như-Trí kế hợp không có hai tướng, kinh Tịnh Danh nói: “Nói đến Như, là bởi vì không hai-không khác.” Hoặc là tách ra làm hai loại, bởi vì kinh Đại Phẩm trình bày có Bồ-đề thuộc về Tánh tịnh và Bồ-đề thuộc về Tu thành, cũng gọi là Tánh tịnh-Phương tiện tịnh. Hoặc là phân ra làm ba loại, bởi vì dựa theo Tam thừa, như luận Thập Địa. Hoặc là tách ra làm bốn loại, kinh Niết Bàn nói: “Trí bậc Hạ quán sát thì đạt được Bồ-đề của Thanh văn, cho đến Trí bậc Thượng Thượng quán sát thì đạt được Bồ-đề của Phật.” Lại bốn Trí Bồ-đề cũng là bốn nghĩa. Hoặc là phân ra làm năm loại, bởi vì như kinh Đại Phẩm và Trí Luận nói về phát tâm... Hoặc là trình bày đầy đủ mười loại, như phẩm Ly Thế Gian. Chỉ mười loại là tròn vẹn, chính là ở đây phân rõ. Ba loại là trừ ra hai loại trước, bốn loại là trừ ra ba loại trước, năm loại là trừ ra bốn loại trước, còn lại

đều bao gồm tất cả, bởi vì Đồng giáo Nhất thừa đã thấu nhiếp. Nếu do nghiệp dụng mà hiện rõ, thì không có gì không thu nhận.

Bốn: Trình bày về nghiệp dụng, vẫn có mười môn, mà Thể-Dụng đan xen hiển bày đều thiết lập tên gọi tùy theo nghĩa riêng biệt. Nay thu nhận tất cả, nghĩa là duyên với hai Đế, đoạn trừ hai Chướng, chứng được hai Không, sinh khởi hai Trí, phù hợp căn cơ, hiện rõ vạn tượng, đầy đủ mười thân, rộng khắp mười phương, khắp mọi nơi chốn như đầu mảy lông-trong một vi trần, nghiệp dụng vô biên bao gồm nhân-quả, đầy đủ như văn hiển bày.

Năm: Phân rõ về tướng, tức là giải thích văn, sơ lược phân rõ về mười môn: 1- Tổng quát trình bày về Thể-Tướng; 2- Phù hợp hiện rõ vạn cơ; 3- Thể tướng rất sâu xa; 4- Ba Luân bình đẳng; 5- Nhân quả đan xen xuyên suốt; 6- Thể lìa xa đầy với; 7- Tướng không có tăng giảm; 8- Dụng bao gồm động-tịch; 9- Rộng khắp pháp giới; 10- Đầy đủ tất cả các tâm.

Trong mười môn, cũng có thể riêng biệt giải thích ngay môn ấy. Nay tạm thời dùng môn thứ nhất làm tổng quát, chín môn còn lại làm riêng biệt. Riêng biệt tuy có chín môn mà giải thích về mười nghĩa: Môn thứ nhất giải thích về nghĩa thứ nhất; môn thứ hai giải thích về nghĩa thứ mười, nghĩa là nêu ra đầu mà đầy đủ sau; từ môn thứ hai theo thứ tự giải thích, một môn thứ mười giải thích hai nghĩa thứ tám-thứ chín, đến văn sẽ biết. Văn giải thích hiển bày rõ ràng, không cần giải thích gì khác.

Môn thứ nhất: Tổng quát trình bày có đủ mười môn, đều bao hàm Thể-Tướng-Dụng:

1: Tịch-Chiếu là Thể của Bồ-đề, cho nên nói là đối với tất cả các nghĩa không có gì quán sát. Tất cả các nghĩa, là cảnh thuộc Chân-Tục, bởi vì quán sát đến cuối cùng không có quán sát. Kinh Tịnh Danh nói: “Không quán sát là Bồ-đề, bởi vì lìa xa các duyên, như biển vô tâm mà có thể nhanh chóng soi chiếu, bởi vì tất cả đều rõ ràng.” Bản kinh thời Tấn nói: “Hiểu rõ tất cả các nghĩa.” Hai kinh hợp lại trình bày, nghĩa mới tròn vẹn. Diệu giải tức là quán sát, quán sát tức là không có quán sát. Đã quán sát thì niệm vắng lặng không còn chũng tử tập khí phiền não, không có quán sát là Thể, soi chiếu-đoạn trừ là Dụng, hợp lại là Tướng.

2: Bình đẳng giống như vạn pháp là Thể của Bồ-đề, nghĩa là Trí phù hợp với Lý cùng một Viên giác, cho nên nói là bình đẳng đối với pháp mà không mất đi soi chiếu, quyết đoán rõ ràng nói là không có

nghe nghe mê hoặc. Đã không có gì nghe, thì pháp đã nhận biết vĩnh viễn vắng lặng. Hai nghĩa trên đã thấu nhiếp Thể của Nhiếp Luận.

3: Một thành tựu thì tất cả thành tựu, không thấy chúng sinh-Phật có khác nhau, cho nên nói là không hai. Bởi vì nhận biết tất cả chúng sinh là tướng của Bồ-đề, cũng là chủ động-thụ động không hai. Kinh Tịnh Danh nói: “Không hai là Bồ-đề, bởi vì lìa xa ý-pháp.”

4: Tổng quát dựa vào Thể tướng tịch diệt của ba nghĩa trước đây. Tịch diệt là Bồ-đề, bởi vì diệt trừ các tướng.

5: Tức là diệt nơi hiện hành của tâm (Tâm hành xứ diệt), sâu lặng không thay đổi, cũng không hiện hành là Bồ-đề, bởi vì không có nhớ nghĩ.

6: Tuy tỉnh giác mà luôn luôn Định, bởi vì không trú vào Định.

7: Có hai nghĩa: Một- Không gian thì rộng khắp mười phương, bởi vì rộng lớn vô lượng; Hai- Thể thì không có sinh diệt, bởi vì bất dứt phần lượng.

8: Cũng có hai nghĩa: Một- Thời gian thì niệm niệm thành tựu, bởi vì không có phạm vi giới hạn; Hai- Một khi đạt được thì vĩnh viễn thường còn, bởi vì không có thời gian sau. Tâm không có tướng bắt đầu, phù hợp sâu xa với Lý, bởi vì không có thời gian trước.

9: Lìa xa hai bên, phù hợp Trung đạo. Bản kinh thời Tấn thì trước nghĩa này có nghĩa về không ràng buộc-không cởi bỏ, đều hàm chứa ở trong hai bên. Nghĩa là tạp nhiễm hay thanh tịnh, ràng buộc hay cởi bỏ, có hay không có, một hay khác..., hai bên này đều lìa xa không trú trước thiên lệch, cho nên nói là lìa xa hai bên, không phải là thấy có hai bên, hai bên ngay nơi Trung đạo, không có Trung đạo-không có hai bên mới trú trong Trung đạo.

10: Tổng quát hiển bày về lìa xa ngôn từ. Chín môn trước dựa vào ngôn từ để hiển bày sâu xa, chưa tận cùng nơi sâu xa của Bồ-đề, cho nên thu nhận đưa về tánh lìa xa, khiến cho không còn ngôn từ thì mới phù hợp.

Môn thứ hai: Từ “Tri nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là phù hợp hiển rõ vạn cơ, tức là Tam-muội Hải Ấn. Trong văn có ba tiết:

Tiết 1- Pháp, một niệm nhận biết về ba đời, gọi là Nhất thiết trí.

Tiết 2- Dự, tức là nêu ra Hải Ấn để dự cho Bồ-đề vô tâm mà nhanh chóng hiện rõ.

Tiết 3- Hợp, nói không có gì hiện rõ, có ba nghĩa: a- Bởi vì Vô tâm mà hiện rõ, cho nên như biển; b- Bởi vì đã hiện rõ trống rỗng, cho nên như ảnh tượng; c- Bởi vì không có Thể riêng biệt, cho nên như nước

và ảnh tượng, không thể phân ra sai khác. Tự Thể hiển bày rõ ràng cho nên gọi là Giác. Luận Khởi Tín nói: “Chư Phật Như Lai lìa xa đối với Kiến-Tướng, không có gì không rộng khắp. Bởi vì tâm chân thật, tức là Tự Thể thuộc tánh của các pháp. Hiển bày soi chiếu tất cả các pháp hư vọng, có Dụng của Đại Trí. Đây tức là không có suy nghĩ (Vô tư), hiển bày soi chiếu về cảnh Đồng Thể làm Tướng-Dụng của Bồ-đề.” Vì vậy văn trên nói: Đối với tất cả các nghĩa không có gì quán sát.

Môn thứ ba: Từ “Phật tử, chư Phật Bồ-đề...” trở xuống là Thể tướng rất sâu xa, bởi vì Tánh lìa xa ngôn từ, cho nên Lý tròn vẹn mà ngôn từ thiên lệch.

Môn thứ tư: Từ “Phật tử, Như Lai Ứng Chánh Đẳng...” trở xuống là ba Luân bình đẳng, giải thích về bình đẳng đối với pháp trước đây, bởi vì bình đẳng đối với các pháp, cho nên Ý luân bình đẳng, đâu có gì nghi ngờ? Trong văn có hai tiết: 1- Riêng biệt nêu ra Thân bình đẳng; 2- Tương tự kết luận để hiển bày về nhiều.

Tiết 1- Riêng biệt nêu ra Thân bình đẳng, có mười ba Thân: Sáu Thân trước là bình đẳng về Sự; ba Thân tiếp là bình đẳng về Lý; một Thân tiếp là bình đẳng về Sự-Lý, Sự-Sự vô ngại; ba Thân sau là bình đẳng về nhân quả. Sơ lược nêu ra mười ba, cho nên kết luận nói là Vô lượng. Đều nói là Lượng, là phần lượng của pháp đã bình đẳng. Đều nói là bình đẳng, tức là ba Luân của pháp có thể bình đẳng.

Bình đẳng có hai nghĩa: a- Bình đẳng về Lượng thuộc Sự-Lý ấy; b- Bình đẳng về Thể thuộc Sự-Lý ấy. Sở dĩ bình đẳng, bởi vì các Sự-Lý ấy dựa vào Ngã mà chứng, chủ động-thụ động phù hợp sâu xa, Sự-Lý ấy hãy còn dựa vào Ngã, thì bình đẳng nào khó gì. Vì vậy Thánh nhân rộng lặng thông suốt, không có cảnh tượng sự vật mà không có gì không phải là mình, hợp với vạn vật để thành tựu chính mình.

Tiết 2- Từ “Phật tử, như sở đắc...” trở xuống là tương tự kết luận để hiển bày về nhiều, có thể biết.

Môn thứ năm: Từ “Phật tử, Như Lai thành Chánh giác...” trở xuống là trình bày về nhân quả đan xen xuyên suốt, giải thích về cùng một tánh không hai trước đây. Trong văn có ba tiết: 1- Nêu lên; 2- Từ “Giai đồng...” trở xuống là giải thích; 3- Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là kết luận.

Tiết 1- Nêu lên. Trong tám tướng, sơ lược nêu ra hai tướng, cho nên nói là cho đến. Văn này đích thực giống như kinh Tịnh Danh nói: Nếu Di-lặc đạt được Bồ-đề, thì tất cả chúng sinh cũng đều thuận theo đạt được, bởi vì tất cả chúng sinh tức là tướng của Bồ-đề. Di-lặc nêu ra

mê lầm về ý nghĩa này, chỉ nói là ngôn từ chất vấn về Lý, không biết chân thật đạt được Bồ-đề, thật sự như đã chất vấn.

Vả lại, chương trước bởi vì Ngã bình đẳng với pháp ấy, cho nên rộng khắp giống như Lượng của pháp ấy. Nay trình bày bởi vì pháp ấy bình đẳng với Ngã, cho nên hiện rõ đầy đủ trong Ngã, thì biết cùng một tánh bình đẳng, thay đổi qua lại tác thành lẫn nhau. Thành tựu trong này là Lý hay là Sự? Nếu là thành tựu thuộc về Sự, thì vì sao giải thích nói rằng cùng chung một tánh? Nếu là thành tựu thuộc về Lý, thì vì sao ở đây nói rằng thành tựu Chánh giác, tiến vào Niết-bàn? Đây là nghĩa thuộc về Tông chỉ Viên giáo trong Đại tiết của Hoa Nghiêm, không so sánh với các Tông khác thì khó mà hiểu được.

Nhưng các chúng sinh, nếu ở trong phần vị trời-người, thì quán sát đầy đủ hai Ngã thuộc về Nhân-Pháp. Tiểu thừa chỉ là Thật pháp thuộc về năm Uẩn. Đại thừa thì có lúc nói chỉ do tâm mà hiện rõ, có lúc nói huyễn có tức là trống rỗng, Nhân-Pháp đều loại trừ, có lúc nói chỉ riêng Như Lai Tạng đầy đủ hằng sa tánh đức. Chúng sinh tức là Pháp thân ở trong ràng buộc, Pháp thân và chúng sinh thì nghĩa giống nhau mà tên gọi khác nhau, hãy còn dựa vào Lý mà nói.

Lại có thuyết cho rằng: “Tướng vốn tự nhiên không còn, Tánh vốn tự nhiên hiện rõ, không thể nói rằng tức là Phật-không tức là Phật...”

Nếu dựa vào Tông này, thì xưa nay đã thành tựu cũng đã Niết-bàn, không phải là dựa theo Đồng Thể này thành tựu, tức là pháp ấy thành tựu. Nếu như vậy thì vì sao hiện có chúng sinh không phải tức là Phật?

Nếu dựa vào phần vị chúng sinh mà xem xét, thì hãy còn không thấy chỉ có tâm tức là trống rỗng (Duy tâm tức Không), lẽ nào thấy sự việc trong Viên giáo? Như mê lầm phía Đông nói là phía Tây, mà đích thực chấp là phía Tây. Nếu các tình thức lập tức phá bỏ, thì pháp giới tròn vẹn hiện rõ, tất cả đều đã thành tựu, giống như người ấy tỏ ngộ thì phía Tây đầy đủ phía Đông.

Nếu như vậy thì chư Phật vì sao lại giáo hóa chúng sinh? Bởi vì không nhận biết như vậy, do đó cần phải giáo hóa. Giáo hóa như vậy, là giáo hóa đến cuối cùng. Giáo hóa như vậy, là không có lúc nào không giáo hóa. Vì vậy văn sau kết luận rằng: Đại Bi nối tiếp nhau cứu độ chúng sinh, tùy theo pháp môn không giống nhau, đủ loại có khác nhau, dựa theo một môn thành Phật thì tất cả đều thành Phật.

Vả lại, chúng sinh này chính là khuôn mẫu của cảnh tượng trước đây, khiến cho loại bỏ khuôn mẫu ấy thì tự nhiên nhìn thấy Phật của

mình, cũng thấy Phật của người khác thành tựu, như đoạn thứ mười.

Trong tiết 2- Giải thích, có ba tiết:

Tiết a- Tổng quát giải thích, cùng một Vô tánh cho nên có thể hiện rõ thành tựu, tánh Vọng vốn hư rỗng mà chúng sinh vốn là Phật, tánh Chân thì đạt được không phải nay mới thành tựu, cho nên đều thành tựu.

Tiết b- Trở lại đưa ra không có, không có tánh như thế nào, bởi vì cùng là tánh Bồ-đề.

Tiết c- Giải thích về không có, vẫn có mười hai câu: Bốn câu trước bao gồm chúng sinh và Phật, bốn câu tiếp dựa theo chúng sinh, bốn câu sau chỉ dựa theo Phật. Không phải chỉ riêng Vọng không có-Chân có, cũng không phải Vọng có-Chân không có, bởi vì Tánh dung thông với Tướng cho nên pháp giới hiện rõ tròn vẹn, dựa vào Vô tánh này mà nói là thành tựu Chánh giác.

Lại thâm nhiếp mười hai câu tổng quát làm thành sáu cặp:

1: Tướng chủ động và tướng thụ động là một cặp, nghĩa là tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh đối đãi nhau mà có, niệm niệm không còn do duyên mà không còn, phiền não vĩnh viễn không còn mà vốn có tự nhiên không còn.

2: Sinh và diệt là một cặp, dựa theo phàm phu thì vốn tự nhiên không sinh, tức là tướng Niết-bàn, cho nên không còn trải qua diệt; dựa theo Phật thì Bồ-đề không phải là mới sinh, đâu hề có diệt?

3: Ngã và không phải Ngã là một cặp, bởi vì có duyên-không có chủ, Ngã hãy còn không thể đạt được, thì không phải Ngã làm sao có thể đạt được, cho nên trong Thật tướng của các pháp, không có Ngã-không có không phải Ngã.

4: Duyên và không phải duyên là một cặp, thu nhận duyên mà sinh, duyên hãy còn không thể đạt được, huống hồ không phải uyên.

5: Có thể Chứng và đã Chứng là một cặp, Bồ-đề có thể Chứng là do nhân mà Chứng, pháp giới đã Chứng là do Trí mà hiển bày.

6: Hòa hợp và không hòa hợp là một cặp, hư không không phải là hòa hợp, nhờ vào có mà hiển bày, cho nên tánh không có; thành tựu Chánh giác là hòa hợp, Lý-Trí phù hợp với nhau tức là duyên khởi, cho nên không phải là có.

Tiết 3- Trong kết luận: Mọi vật không có tánh mà thành tựu Chứng trí, chứng được Đồng Thể ấy mà dấy khởi Đại Bi, một khi đạt được thì vĩnh viễn thường còn, cho nên nói là nối tiếp nhau.

Môn thứ sáu: Từ “Phật tử, thí như hư không...” trở xuống là trình

bày về Thể lìa xa đây với, giải thích về Vô Tướng trước đây, bởi vì hư không Vô sinh cho nên Thể không có tăng giảm, Bồ-đề Vô tướng thì thành tựu không lẽ nào khác nhau.

Môn thứ bảy: Từ “Phật tử, giả sử...” trở xuống là trình bày về Tướng không có tăng giảm, giải thích về Vô Hành trước đây, trong lặng không khác nhau thì hành lẽ nào có thể thay đổi hay sao? Trong văn có ba tiết:

Tiết 1- Nêu ra Dụ về hỏi đáp: Dùng hóa hiện vô hình, dụ cho thành tựu không thể không khác nhau. Hóa hiện nhiều tâm, dụ cho tu tập nhiều nhân. Hóa hiện nhiều vị Phật thành tựu, dụ cho chứng được nhiều quả.

Tiết 2- Từ “Phổ Hiền...” trở xuống là ca ngợi điều thiện để kết hợp.

Tiết 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết thúc phần này sinh khởi phần sau.

Môn thứ tám: Từ “Như Lai thành Chánh giác thời...” trở xuống là Dụng bao gồm động-tịch, giải thích về Vô Chỉ trước đây, bởi vì không đắm vào Định. Trong văn có bốn tiết:

Tiết 1- Nêu ra Tam-muội làm chỗ dựa, giác ngộ không đắm vào vắng lặng, cho nên gọi là khéo léo giác ngộ; giác ngộ một tướng ấy mà dùng làm phương tiện.

Tiết 2- Từ “Nhập dĩ...” trở xuống là hiển bày về Dụng của một thân, đã dùng một tướng làm phương tiện, thì các pháp đều là một tướng, mà một thì hiện ra nhiều.

Tiết 3- Từ “Như nhất...” trở xuống là tương tự hiển bày về những thân khác, lúc Như Lai thành tựu Chánh giác, Thân mây trải khắp pháp giới, tất cả đều là thân rộng lớn, cùng hiện bày như một thân.

Tiết 4- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn, nghĩa là trên đây đã hiện rõ một Định làm môn, các Định khác cũng như vậy. Môn của Định đã như vậy, các môn Bi-Trí, Tổng trì... cũng như vậy, cho nên đã có vô lượng cảnh giới rồi, đó gọi là cao mà không có gì trên nữa, rộng mà không có thể tận cùng.

Môn thứ chín: Từ “Phật tử...” đến “Ứng tri Như Lai...” trở xuống là trình bày về rộng khắp pháp giới, giải thích về Vô Lượng trước đây. Vô lượng có hai: Một- Rộng nhiều vô lượng, một mảy lông hàm chứa nhiều mà rộng khắp pháp giới; Hai- Không có phần lượng bởi vì đều không sinh. Trong văn có ba tiết:

Tiết 1- Trình bày về một mảy lông hàm chứa nhiều, giải thích bởi

vì không sinh. Môn này cùng với môn trước đã phân tích, có phần khác nhau. Lại môn này chỉ hiện rõ Phật, tức là cùng loại hướng về với nhau, môn trước bao gồm nhiều loại tức là khác loại hòa vào với nhau. Lại môn trước thì trú trong Thế ứng hiện rộng khắp, môn này thì như Lý mà hàm chứa, cũng như Lý mà rộng khắp.

Tiết 2- Từ “Như nhất mao...” trở xuống là tương tự hiển bày nhiều mảy lông, nhưng dung nạp ở nơi mảy lông tức là lỗ chân lông. Tiếp là ý đưa ra rằng: Thân hợp với Vô sinh, có thể có khả năng chủ động hàm chứa pháp giới, hư không không hề có chủ động phù hợp, sao có thể cũng hàm chứa? Giải thích rằng: Không có nơi nào không đến thì không có gì không phải là thân Phật. Đó gọi là rộng lớn bao gồm trời đất, nhỏ bé tiến vào không có khe hở.

Tiết 3- Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là giải thích nghi ngờ. Nghi ngờ rằng: Nếu như vậy thì vì sao cần phải dựa vào cây Bồ-đề? Giải thích rằng: Tùy theo căn cơ mà có thể tiếp nhận vậy thôi, thì biết rằng nhiều thân ngồi dưới tán cây Bồ-đề nhanh chóng thành tựu, hãy còn nói là tùy theo thích hợp, cõi trời Hữu Đảnh-giữa vườn Nai lẽ nào là rất chân thật hay sao?

Môn thứ mười: Từ “Phật tử...” đến “Ứng tri tự tâm...” trở xuống là trình bày về đầy đủ tất cả các tâm, giải thích hai môn trước đây, tức là phân làm hai tiết: Một- Chính thức trình bày về đầy đủ tất cả, giải thích về không có giới hạn trước đây, bởi vì niệm niệm luôn luôn thành tựu cho nên không có giới hạn. Hai- Từ “Quảng đại...” trở xuống là tổng quát kết luận về cả hai không phải, giải thích về xa lìa hai bên trú vào Trung đạo trước đây.

Tiết một- Chính thức trình bày về đầy đủ tất cả, có hai: 1- Dựa vào một tâm; 2- Từ “Như tự tâm...” trở xuống là dựa theo tất cả các tâm.

Trong tiết 1- Dựa vào một tâm, có ba: a- Nêu lên; b- Đưa ra; c- Giải thích.

Giải thích nói là không lìa xa, có hai nghĩa: Một- Thân tâm của chúng sinh tức là pháp mà Phật đã chứng. Hai- Đầy đủ tức là tánh Bồ-đề của Phật. Đây tức là quả của người khác thuộc về nhân của mình, không phải là dựa theo Phật tánh tự có của người làm nhân, bởi vì văn này chính là phân rõ về Bồ-đề của Phật.

Tiết hai là tổng quát kết luận về cả hai không phải. Không lìa xa-không đoạn bỏ, giải thích có hai ý: 1- Không lìa xa, kết luận về không có nơi nào không có, từ “Bất đoạn sinh...” trở xuống là không có dừng nghỉ. 2- Không lìa xa, bởi vì chúng sinh và Phật không phải là khác

nhau; không đoạn bỏ, bởi vì chúng sinh và Phật không phải là một. Không giống với chúng sinh có thể đoạn diệt hủy hoại, đó gọi là tiến vào pháp môn Phương tiện không thể nghĩ bàn. Vì vậy không hiểu được ý, cho nên đẩy lên suy nghĩ của chúng sinh thì không thích hợp, giả sử đẩy lên suy nghĩ của Phật thì cũng không thích hợp, ngay nơi đó cũng không thích hợp, không phải ngay nơi đó cũng không thích hợp, là mất Trí thanh tịnh không còn giữ lấy các tình thức.

Trong tổng quát kết luận, tức là chữ “Phật tử...” cuối cùng. Nay dựa vào sự nhận biết này chiếu rọi mười môn trước đây, không có sâu xa nào mà không tận cùng, lìa xa điều này thì đâu có Bồ-đề chân thật?

Phần Kệ tụng có sáu kệ, tụng về mười môn trước đây: Hai kệ đầu theo thứ tự tụng về hai môn đầu; ba kệ tiếp như thứ tự tụng về môn thứ sáu-thứ bảy-thứ tám; một kệ sau tổng quát tụng về môn thứ tư-thứ năm-thứ chín-thứ mười, bởi vì cùng là nghĩa hiển rõ rộng khắp vô lượng. Môn thứ ba chỉ hiển bày về lìa xa ngôn từ, cho nên lược qua không tụng.

Đoạn thứ tám: Trình bày về Chuyển pháp luân xuất hiện: Đạt được Đại Bồ-đề thì Lý nhất định phải chuyển vận truyền trao.

Trong Trường hàng có ba: Đầu là nêu ra, tiếp là giải thích về tướng, sau là tổng quát kết luận.

Ngay trong giải thích về tướng, có hai: Một- Hiển bày về Thể-Dụng; hai-Hiển bày về nhân.

Tiết một- Hiển bày về Thể-Dụng, phân ba: 1-Pháp; 2-Dụ; 3-Kết luận khuyến khích.

Tiết 1- Pháp, văn có chín câu, số giảm bớt của mười, đều trước là nêu lên, sau là giải thích. Năm câu trước hiển bày về Thể Tánh vắng lặng, bốn câu sau phân rõ về Tướng Dụng sâu rộng.

Trong năm câu trước: Một- Tâm có thể chuyển; Hai- Thể đã chuyển; Ba- Quả đã đạt được; Bốn- Giáo có thể giải thích; Năm- Lý đã hiển bày. Nói đến Chuyển pháp luân thì không vượt qua năm loại này, nay đều ngay nơi Sự phù hợp với Chân.

Một: Tâm có thể chuyển: Bởi vì nhận biết pháp không có dấy khởi, cho nên đang lúc chuyển pháp không khởi lên tâm niệm, nói rằng mình chuyển vận truyền trao pháp của người xưa, gọi là tâm tự tại. Như vậy mới là thật sự có thể chuyển vận.

Hai: Thể đã chuyển: Tức là thị hiện-khuyến khích-chứng đạt, gọi là ba Chuyển. Ba loại này gọi là Luân, bởi vì phá tan phiền não chướng ngại. Nói lìa xa hai bên, nếu có phiền não có thể phá tan thì chưa lìa xa bên Thường, không có phiền não có thể phá tan thì lẽ nào tránh khỏi

bên Đoạn. Nay vĩnh viễn lia xa hai bên Đoạn-Thường, mới là thật sự có thể đoạn trừ những gì cần phải đoạn trừ, nhận biết và tu tập-chứng đạt cũng như vậy. Ba: Quả đã đạt được: Do đoạn trừ phiền não mà đạt được phạm vi lia đục, do chứng được tánh Không vốn không có gì đáng lia xa, phạm vi này cũng loại bỏ.

Bốn: Giáo có thể giải thích: Lý nhờ vào ngôn từ để giải thích, nay bởi vì hiểu rõ vốn vắng lặng không thể nói được, thì suốt ngày nói mà không hề nói.

Năm: Lý đã hiển bày: Nghĩa là ngay nơi vắng lặng, nay hiểu rõ Niết-bàn là tánh thanh tịnh; pháp xưa không như vậy, nay thì không có diệt mới là diệt đến cuối cùng. Vậy thì biết Luân ấy xưa nay thường thanh tịnh.

Trong bốn câu sau là Tướng Dụng sâu rộng:

Một: Tiếp xúc ngôn từ đều là Pháp luân rộng lớn.

Hai: Ngay nơi Dụng mà vắng lặng sâu xa. Hai câu sau cũng sâu xa-cũng rộng lớn.

Ba: Một ngay nơi nhiều mà không có chủ.

Bốn- Dựa vào không gian-thời gian mà luôn luôn rỗng lặng, nghĩa là không gian thì không có gì sót lại, bởi vì không có nơi nào không chuyển; thời gian thì không có cuối cùng, bởi vì tận cùng đời vị lai. Nhưng không vướng mắc bên trong-bên ngoài, thì đã sâu rộng không có gì giới hạn.

Trong tiết 2- Từ “Phật tử, thí như...” trở xuống là Dụ, vẫn có hai Dụ:

Một- Dụ về văn tự vô tận, dụ cho Vô tận ở môn thứ chín.

Hai- Dụ về hòa vào khắp nơi mà không có dừng lại, dụ cho Dụng mà thường vắng lặng ở môn thứ sáu-thứ bảy-thứ tám, trong đó có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Hợp có hai: Trước là hợp với hòa vào rộng khắp tất cả, bởi vì trong Pháp trên đây chỉ nói hòa vào tất cả ngôn từ, nay trình bày hòa vào những pháp khác, thì từ đây suy ra đều là Pháp luân, lẽ nào giống như Tam thừa chỉ dùng âm thanh của Phật làm Luân... hay sao? Sau từ “Nhất thiết chúng sinh chủng chủng...” trở xuống là chính thức hợp với hòa vào tất cả ngôn ngữ ở văn trước. Bởi vì năm câu trước để hiểu, cho nên lược qua không có Dụ.

Tiết 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận khuyến khích, có thể biết.

Tiết hai- Từ “Phục thứ...” trở xuống là hiển bày về nhân phát khởi

của Pháp luân, trong đó có ba:

Tiết 1- Phân rõ về nhân của Pháp luân đã phát khởi, là bởi vì căn cơ sai biệt, nếu lìa xa căn cơ của chúng sinh thì Phật không có thuyết giảng.

Tiết 2- Từ “Phật tử, Như Lai...” trở xuống là trình bày về nhờ vào Pháp luân đã phát khởi, đã vì năng lực của chúng sinh không giống nhau, giáo pháp cần phải thích nghi sai biệt, trong đó: Tên gọi của Định làm chỗ dựa của thuyết pháp, là Biện tài vô ngại không có gì khiếm sớ; đạt được cứu cánh, là chỉ riêng Phật mới có.

Tiết 3- Từ “Năng như thị tri...” trở xuống là kết luận về được-mất, có thể biết.

Sau là tổng quát kết luận, văn hiển bày có thể biết.

Phần Kệ tụng, có năm kệ phân hai: Hai kệ đầu, tụng về Thể-Dụng của Pháp luân; ba kệ sau, tụng về nhân của Pháp luân.

Đoạn thứ chín: Niết-bàn xuất hiện: Chuyển hóa đã rộng khắp mà an trú trong tạng bí mật, vì chúng sanh thị hiện diệt độ cho nên tiếp theo trình bày về điều đó. Nhưng Đại Niết-bàn là nơi quay về nguồn gốc hội tụ sâu xa (Quy tông minh hội) của chúng Thánh, Vô vi vắng lặng rỗng rang mà rộng lớn đầy đủ tất cả, hình tướng tên gọi bật dứt không còn, thức trí khó mà suy nghĩ. Nay bởi vì không có tên gọi mà miễn cưỡng gọi tên, cũng đưa ra năm mục riêng biệt.

Mục một- Giải thích tên gọi: Niết-bàn chính xác gọi là Diệt, chọn lấy nghĩa tương tự ấy mà có nhiều so sánh. Tổng quát dùng nghĩa để phiên ra gọi là Viên Tịch, bởi vì Đức đầy đủ trần sa, Nghĩa rộng khắp pháp giới gọi là Viên; Tướng vi diệu không còn hệ lụy, Thể tận cùng Chân tánh là Tịch.

Nhưng nói là Đại, về không gian thì tất cả đều bao gồm, về thời gian thì không có giới hạn ban đầu, đây là dựa theo ba đức của Niết-bàn. Nếu dựa theo nghĩa tách ra, thì sơ lược trình bày về ba nghĩa: 1- Thể Đại, là tự tánh thanh tịnh; 2- Tướng Đại, là phương tiện tu tập thanh tịnh, không còn ràng buộc mà đầy đủ đức; 3- Dụng Đại, là Dụng của giáo hóa vô tận. Bất là nghĩa của Nhập, Tánh nhập-Chân nhập mà thị hiện là nhập, nếu viên dung vô ngại thì chính là Đại Niết-bàn.

Mục hai- Nêu ra Thể tánh: Niết-bàn đã vi diệu tận cùng số lượng bình thường, thản nhiên đáng sợ, vắng lặng ít thấy, tuy vượt xa các pháp hư vọng (Bách phi), mà không nơi nào không tồn tại. Nay theo nghĩa mong cầu không ra ngoài ba pháp, tức là Ma-ha Bát-nhã, Giải thoát và Pháp thân, dùng làm Thể ấy. Sở dĩ là ba pháp, bởi vì vượt qua ba pháp

tạp nhiễm, thành tựu Trí-Ân-Đoạn, thành tựu thân Ứng Hóa thuộc pháp tánh của pháp môn, Đại Trí có thể Chứng phù hợp với Lý đã Chứng, mà hệ lụy vĩnh viễn vắng lặng. Nhưng ba loại này không lia xa một Như mà Đức Dụng phân ra khác nhau, soi chiếu ngay nơi vắng lặng là Bát-nhã, vắng lặng ngay nơi soi chiếu là Giải thoát, Thể của vắng lặng soi chiếu là Pháp thân; như một viên ngọc tròn trịa sạch bóng sáng ngời, sáng ngời tức là Bát-nhã, sạch bóng tức là Giải thoát, Thể tròn trịa là Pháp thân. Dựa theo Dụng không giống nhau, mà Thể không tách lia lẫn nhau. Ba pháp này không dọc-không ngang, không gộp lại-không tách ra, như mắt của chư Thiên, như chữ Y của thế gian, gọi là Tạng Bí Mật, là Đại Niết-bàn.

Mục ba- Hiển bày về chủng loại: Tuy là Lý thu nhận tất cả mà nghĩa tương tự Nghĩa loại) thì vô lượng vô biên (Trần sa). Nay mở rộng từ trong hạn hẹp, sơ lược phân ra vài loại:

Hoặc chỉ nói là một, tức là Đại Niết-bàn.

Hoặc là nói có hai, tự nhiên có ba môn: 1- Dư và Vô dư; 2- Tánh tịnh và Phương tiện tịnh; 3- Chân và Ứng.

Hoặc là phân làm ba, ở đây có hai loại: 1- Dựa theo Tam thừa; 2- Tức là tự tánh Chân-Ứng.

Hoặc là phân làm bốn: 1- Tự tánh thanh tịnh Niết-bàn; 2- Hữu dư y; 3- Vô dư y; 4- Vô trú xứ. Nghĩa về Hữu dư-Vô dư bao gồm Đại-Tiểu, nay chỉ nói về Đại, ở trong ba loại không trình bày về Nhị thừa, còn lại đều nói đầy đủ dung thông mà vô ngại, là Đại Niết-bàn, như văn đầy đủ không phải là chỉ có Ứng Diệt.

Mục bốn- Làm sáng tỏ nghiệp dụng: Thâu nhiếp bao quát vĩnh viễn, dẫn dắt thông suốt mọi nơi, không lúc nào không độ sinh, không có gì không thành tựu, vì vậy kinh Niết Bàn nói: “Có thể kiến lập Đại sự là pháp môn xuất hiện.” Đây là nói về nghiệp dụng. Nhưng các môn mở rộng thì nghĩa đầy đủ ở chương riêng biệt, tóm lược ở trong văn có đủ.

Mục năm- Giải thích văn, có hai mục: Trước là đưa ra, sau là chính thức hiển bày.

Trong mục sau là chính thức hiển bày, có mười mục: 1- Thể tánh Chân Thường; 2- Đức dụng tròn vẹn đầy đủ; 3- Ẩn hiện thường sâu vắng lặng; 4- Đây với không thay đổi; 5- Thị hiện diệt độ-khéo léo giữ lại; 6- Tùy duyên khởi-tận; 7- Còn mất hiện rõ lẫn nhau; 8- Đại Dụng không có giới hạn; 9- Thể lia xa hai bên; 10- Kết luận quay về Vô trú.

Nhưng mười mục này, tùy theo nghĩa tuy khác nhau, mà đều hàm

chứa Thể-Dụng, đan xen xuyên suốt lẫn nhau để hiển bày về Đại Niết-bàn.

Mục 1- Thể tánh Chân Thường, phân ba tiết: Một- Nêu ra pháp khuyến khích nhận biết; Hai- Từ “Như Chân Như...” trở xuống là nêu ra Lý giống như Sự; Ba- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích hiển bày về Đồng tướng.

Tiết một- Nêu ra pháp khuyến khích nhận biết: Tự tánh căn bản, tức là mười loại Chân Như... nêu ra ở tiết sau, làm căn bản của Niết-bàn Chân-Ứng, Thể tức là Tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Bởi vì ra khỏi hai loại chướng ngại, cho nên gọi là Phương tiện tịnh, là Niết-bàn thuộc Chân. Đại Bi ứng với chúng sinh cũng từ đây sinh ra, cho nên gọi là căn bản. Bởi vì là căn bản, cho nên chỉ hiểu rõ Chân Như tức là hiểu rõ Niết-bàn.

Trong tiết hai là nêu ra Lý giống như Sự: Điều nói là Như, Như tức là nghĩa giống nhau. Có thể giống với Niết-bàn bao gồm Chân-Ứng, đã giống với Như... tức là Niết-bàn thuộc về tự tánh. Câu trước đều có tên gọi Niết-bàn, Chân-Ứng không có gốc, Ứng không phải là không sinh, vì sao xuất hiện là vi diệu? Bởi vì dùng gốc để bao gồm ngọn, dùng Thể để hiển bày Dụng, khiến cho đều Viên Tịch là Đại Niết-bàn.

Sở dĩ nêu ra mười tên gọi, là muốn trình bày về Diệu đạo cứu cánh, tận cùng Lý-toàn bộ Tánh vốn không có gì không giống nhau, mà đức là Vô tận. Mười tên gọi đã giải thích như trước, trong đó hai loại sau thêm vào chữ Tế, bởi vì tận cùng của Chân đối với Vô Chân, là phạm vi của Chân Như...

Tiết ba là giải thích hiển bày về Đồng tướng: Trước đây nói cũng như vậy, là vì sao Như? Cho nên nói là như Chân Như..., bởi vì không sinh diệt. Vì sao không sinh? Bởi vì chỉ do Liễu nhân mà hiển bày, không phải là do Sinh nhân mà sinh ra. Đã không có sinh thì cũng không phải là ra khỏi chướng. Bắt đầu đã không có sinh thì vĩnh viễn thường còn không diệt. Vậy thì biết đạo huyền diệu tồn tại do tổ ngộ vi diệu, tổ ngộ vi diệu có mặt ở ngay nơi Chân, ngay nơi Chân thì sinh diệt cùng quán sát, cùng quán sát thì nơi này-nơi kia không hai. Vì lẽ đó, Chân Như và Ngã cùng nguồn gốc, Pháp tánh và Ngã cùng một Thể. Chân đã không diệt thì Ứng diệt lẽ nào là Chân? Vậy thì biết, Niết-bàn gọi là Diệt, chính là ở nơi Vô diệt.

Mục 2- Từ “Phật tử, Như Lai bất vi...” trở xuống là trình bày về Đức dụng tròn vẹn đầy đủ, thân của Như Lai vốn là sắc tướng tròn vẹn đầy đủ, mà luôn luôn hiện rõ trước mắt của Đại căn cơ, trong văn có hai

tiết: Một- Nêu lên; Hai- Đưa ra giải thích.

Trong tiết một- Nêu lên, dựa theo con người để hiển bày về Thật. Nói là không vì Bồ-tát, rõ ràng thuyết giảng về vĩnh viễn nhập diệt là vì Nhị thừa, dấu tích (Tích) cuối cùng ở giữa hai cây Sa-la (Song thọ) đều là vì phạm phu-Tiểu thừa. Dựa vào đây cũng gọi là chọn ra khác với Nhị thừa sợ hãi sinh tử mà nhập Niết-bàn (Khôi đoạn).

Trong tiết hai là đưa ra giải thích, vẫn có hai lớp:

1- Trong giải thích tự có hai nghĩa: a-Khiến cho xứng với Thật mà thấy thân Thọ dụng, tức là giống như Pháp thân thường trú ở trước mắt, kinh Niết Bàn nói: “Niết-bàn không trống rỗng.” Nghĩa là có Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thuộc về sắc thiện, bởi vì diệt sắc Vô thường cho nên đạt được sắc Thường này. b-Từ “U nhất niệm...” trở xuống là khiến cho thấy được Dụng của Ứng thân ba đời, cũng tức là Thường, cho nên nói là đều như hiện tại, kinh Niết Bàn nói: “Nay thân này của Ta tức là thân Thường.” Từ “Pháp thân...” trở xuống là mở tháp thờ Phật thấy trên pháp tòa Chiên-đàn, chư Phật ba đời không nhập Niết-bàn, kinh Lăng Già cũng nói: “Không có Niết-bàn của chư Phật, không có chư Phật nhập Niết-bàn.” Cũng không khởi lên tưởng về có hai pháp-không có hai pháp, bởi vì xa lìa chủ động Giác-thụ động Giác, nghĩa là đã nhận biết sâu xa huyền diệu không tận cùng, Sắc vi diệu trong lặng, ba đời rất bình đẳng, sinh diệt nào lay động-văng lạng, cho nên không khởi lên hai pháp; cũng không chọn lấy một pháp Thường này, cho nên không có không hai.

2- Trở lại đưa ra giải thích. Ý đưa ra nói rằng: Vì sao Bồ-tát có thể không khởi lên tưởng? Giải thích rằng: Bởi vì Bồ-tát hiểu rõ Pháp Không, vốn không có tưởng đắm theo, đã không có tâm phân biệt đối với lay động-văng lạng, hoàn toàn không nói Phật là Thường và Phi thường.

Mục 3- Từ “Phật tử, chư Phật Như Lai...” trở xuống là ẩn hiện thường sâu lặng, nghĩa là Niết-bàn Vô vi mà không có gì không làm, bởi vì không có gì không làm cho nên có thể kiến lập Đại sự, không ngăn ngại ẩn hiện. Bởi vì Vô vi cho nên trú trong pháp giới thanh tịnh, Thể luôn luôn trong lặng mà không ngăn ngại ẩn hiện. Hiển bày dấu tích là Sinh, tức là Hữu dư. Bặt dứt dấu tích là Diệt, tức là Vô dư. Vì vậy Hữu dư-Vô dư chính là tên gọi tạm thời để ứng với chúng sinh mà thôi. Thể tánh thường trong lặng, cho nên còn lại không phải là có, mất đi không phải là không có. Vậy thì biết vắng lặng không lay động chưa từng là Vô vi, ứng hiện dấu tích không có nơi chốn chưa từng là Hữu vi,

lẽ nào có thể tùy theo thấy nghe, làm cho vương vào dấu tích ứng hiện khác nhau hay sao?

Mục 4- Từ “Phật tử, thí như nhật xuất...” trở xuống là đây với không thay đổi, vẫn có hai: Trước là Dụ, sau là Hợp. Nhưng Pháp thân vốn không có hình tượng, không có căn khí nào mà không hiện rõ; Thánh trí vốn không có tâm phân biệt, không có cảm nào mà không ứng. Hình tượng không phải là Ngã có, mà tự căn khí ấy đây với; tâm không phải là Ngã sinh, lẽ nào hiện rõ khắp nơi mà có trước sau? Vì vậy Nhiếp Luận quyển thứ 10, có kệ nói:

*“Chúng sinh tội lỗi không nhìn thấy,
Như trăng nơi đồ đựng vỡ nát,
Đây khắp mọi nơi các thế gian,
Nhờ ánh sáng pháp như mặt trời.”*

Vì vậy kinh nói không phải là lỗi của mặt trời. Căn khí trì giới bị vỡ thì nước Định không có chỗ dựa, pháp khí Bồ-đề bị vỡ thì nước Trí lẽ nào dừng lại? Bởi vì không có viên ngọc làm trong niềm tin, cho nên nước tâm đục ngầu, thì do đâu mà được thấy Phật?

Nhưng trong này tuy trình bày về hiện thân, mà chính là Đại Dụng phát ra từ ba đức của Niết-bàn, cũng do Niết-bàn thâm nhiếp.

Nếu như vậy thì lẽ nào thân xuất hiện khác nhau? Thân xuất hiện dùng Pháp thân làm môn mà luận về Chân-Ứng, không phải là không có hai đức Bát-nhã và Giải thoát. Thân mặt trời trí tuệ không có gì không soi chiếu, cho nên vĩnh viễn lia xa hý luận, tức là Giải thoát. Dụ về Y Vương tức là thị hiện diệt độ, thân này có Bát-nhã thì lẽ nào khác với Bồ-đề hay sao?

Nếu phân biệt về tướng mà nói, thì Bồ-đề là Trí có thể chứng được, chỉ là phát sinh do tu tập; Niết-bàn là Lý đã chứng được, chỉ dựa theo tu mà hiển bày. Trong kinh Niết-bàn nói: “Bồ-đề nhất định phải từ Sinh nhân mà phát sinh, Niết Bàn nhất định phải từ Liễu nhân mà hiển bày.”

Nếu thâm nhiếp về tướng mà nói, thì Bồ-đề là Trí ngay nơi Lý, Niết-bàn là Lý ngay nơi Trí. Lý ngay nơi Trí mà không ngăn ngại Ma-ha Bát-nhã, Trí ngay nơi Lý mà không ngăn ngại Tịch diệt Bồ-đề. Tánh của Trí vốn có cũng là Tánh tịnh Niết-bàn, tu tập hiển bày cũng là Phương tiện tịnh. Tùy theo một loại làm môn thì đều phát ra tất cả, tức là Bồ-đề chân thật của Đại Niết-bàn.

Nay dùng Niết-bàn để thu nhận, không những Bồ-đề và thân, mà các môn trước sau cũng đều phát sinh từ ba đức, mới có thể kiến lập

Đại sự.

Mục 5- Từ “Phật tử, nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là thị hiện diệt độ-khéo léo giữ lại, đã vì chúng sinh thị hiện diệt độ thì chính là Thể không có diệt.

Mục 6- Từ “Phật tử, thí như hỏa đại...” trở xuống là tùy duyên khởi-tận, có Dụ-Hợp và Kết luận.

Trong Hợp: Lấy căn cơ để dụ cho củi, dùng Niết-bàn để dụ cho lửa. Chúng sinh chưa thành thực thiện căn thì làm cho thành thực, có thể thành thực thì thành tựu Chánh giác, bởi vì thành thực về Như, là việc làm của ngọn lửa. Nếu những người đáng độ đều đã độ xong, thì hiện rõ Bát Niết-bàn. Vắng lặng không có những việc làm, như ngọn lửa tắt ngấm, vì vậy kinh Pháp Hoa nói:

*“Đức Phật diệt độ trong đêm này,
Như củi cháy hết lửa tắt ngấm.”*

Nhưng hiện rõ diệt-hiện rõ sinh, đều là Đại Dụng cả Niết-bàn, cho nên Nhiếp Luận quyển thứ 10 nói: “Niết-bàn như ngọn lửa, đã khởi-diệt thuộc về duyên, thì tăng thêm không thể đầy, giảm bớt không thể vơi...” Tự duyên ấy chứ không phải là Phật như vậy.

Mục 7- Từ “Phục thứ Phật tử, thí như huyễn sư...” trở xuống là còn mất hiện rõ lẫn nhau, bởi vì thuận theo căn cơ, pháp này diệt mà pháp kia còn, không phải là thân Như Lai không có thể tồn tại lâu dài. Dụ trước dựa theo thấy diệt đi-thấy thành tựu, Dụ này dựa theo thường thấy-không thấy.

Mục 8- Từ “Phục thứ...” trở xuống là Đại Dụng không có giới hạn, nghĩa là đang thị hiện Niết-bàn, mà vẫn phân thân vô biên, cùng tận thời gian vị lai. Tam-muội Bất Động, là tịch diệt cứu cánh. Bởi vì vắng lặng không có lay động, cho nên không có nơi nào không lay động mà thôi. Phần thọ nhận sự cúng dường của Thuần Đà trong kinh Niết Bàn, trên đại thể giống với nơi này, mà Phật thì nhiều-ít thuận theo căn cơ không giống nhau.

Mục 9- Từ “Phật tử, Như Lai thân giả...” trở xuống là Thể lìa xa hai bên. Thân nếu là thật có thì không thể diệt, thân nếu là hư giả thì sao có thể khởi-diệt? Nếu có phương hướng nơi chốn, thì nơi này hiện rõ-nơi khác không có. Bởi vì không phải là thật, cho nên khởi-diệt không có thường xuyên. Bởi vì không phải là giả, cho nên có thể hiện rõ mọi nơi. Không có phương hướng nơi chốn mà nơi nào cảm thì lập tức hiện rõ. Bởi vì lực của Bốn nguyện, cho nên hóa độ rộng khắp pháp giới. Tùy theo có thể hóa độ mà thấy thì không giống nhau.

Mục 10- Từ “Phật tử, Như Lai trú ư...” trở xuống là kết luận quay về Vô trú.

Chín môn trên đây, môn thứ nhất hiển bày nhiều về Thể, tám môn còn lại đều cùng trình bày về Thể-Dụng.

Nay ở đây phân hai: Một- Từ đầu đến Thật tế, tổng quát kết luận về Thể của chín môn; Hai- Từ “Vị chư chúng sinh...” trở xuống, tổng quát kết luận về Dụng của tám môn, tùy thời thị hiện là chính thức hiển bày về Dụng, Lực của Bốn nguyện vốn là hiển bày về nhân của Dụng, không có dừng nghỉ đều là tận cùng thời gian vị lai. Từ “Bất xả...” trở xuống là trình bày về phạm vi giới hạn của Dụng, riêng gì không phải Niết-bàn mà muốn rời bỏ hay sao?

Vậy thì đầu là trú vào Thật tế cho nên không trú trong sinh tử, sau là không rời bỏ chúng sinh cho nên không trú vào Niết-bàn. Bởi vì trú vào cả hai cho nên có thể không trú vào cả hai. Trước tức là Đại Trí, sau tức là Đại Bi. Đại Bi Bát-nhã luôn luôn làm nơi giúp đỡ, là Niết-bàn Vô trú. Niết-bàn Tự tánh thì chúng sinh đều có. Nhị thừa Vô học có lẽ có ba loại trước. Chỉ riêng Phật Thế Tôn mới nói đầy đủ bốn loại. Vì vậy tổng quát dựa vào Vô trú để kết luận, tức là an trú trong Niết-bàn mà kiến lập Đại sự.

Phần Kế tụng, có sáu kệ: Một kệ đầu, tụng về mục thứ 4. Một kệ tiếp, tụng về mục thứ 6. Một kệ tiếp, tụng về mục thứ 7. Hai kệ tiếp, tụng về mục thứ 8. Một kệ sau cuối, tụng về mục thứ 10: Câu đầu là Sinh của Vô sinh, câu tiếp là Diệt của Vô diệt, câu tiếp là kết luận quay về Niết-bàn Vô danh, câu cuối là kết luận về Đại Dụng vô tận của Niết-bàn, hai loại Vô ngại này là nghĩa của Vô trú. Còn lại không tụng, là bởi vì hàm chứa ở trong này.

Đoạn thứ mười: Thiện căn đã phát sinh do thấy nghe gân gũ xuất hiện: Chín môn trước là xuất hiện cùng một thời kỳ từ đầu đến cuối. Nay trình bày về lợi ích dài lâu, công dụng sâu xa của những điều thấy nghe trên đây, để khuyến khích chúng sinh tiến tới tu tập. Trong văn có ba mục: Một- Nêu ra; Hai- Chính thức hiển bày; Ba- Kết luận chỉ rõ.

Ngay trong mục hai là chính thức hiển bày, phân hai: 1- Trình bày về lợi ích của thấy nghe tin tưởng hưởng đến; 2- Lợi ích của thấy nghe không tin tưởng.

Trong mục 1- Trình bày về lợi ích của thấy nghe tin tưởng hưởng đến: Trước là Pháp, sau là Dụ.

Trong Pháp: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trước là trong tổng quát: Thấy nghe... như trong Hợp ở Dụ sau.

Sau từ “Xuất sinh...” trở xuống là riêng biệt, tức là nêu ra tướng không hư giả, vẫn có mười một câu không ra ngoài Trí Đức-Đoạn Đức và Ân Đức. Suy nghĩ về điều này!

Trong Dụ: Có ba Dụ, dụ cho ba đức ấy.

Một: Dụ về nuốt một chút Kim Cang, dụ cho Trí đức, bởi vì Trí tuệ phá tan phiền não như Kim Cang. Bởi vì có Trí tuệ thì chắc chắn không có phiền não, cho nên không ở chung với nhau.

Hai: Dụ về lửa ít mà đốt cháy nhiều, dụ cho Đoạn đức. Suy xét tận cùng về tánh, bởi vì hiểu rõ phiền não vốn là vắng lặng.

Ba: Dụ về cây thuốc chúa làm lợi ích khắp nơi, dụ cho Ân đức, bởi vì đủ loại lợi ích cho chúng sinh. Trong văn: Trước là Dụ, sau là Hợp.

Trong Hợp có hai: 1- Trình bày về làm lợi ích cho cảnh giới của sáu căn, hợp với cây thuốc chúa làm lợi ích rộng khắp trước đây. Sáu căn đều bao gồm lúc tại thế và sau khi diệt độ, bởi vì sau khi diệt độ cũng có người được thấy, hưởng hồ nhớ nghĩ... Trong luận Bảo Tánh cũng trình bày, Như Lai trao cho Bồ tát là cảnh giới của sáu căn, trên đại thể giống như ở đây. 2- Từ “Nhược hữu chúng sinh cúng dường Như Lai sở kinh thổ địa...” trở xuống, trình bày về lợi ích của đất tích để lại, hợp với giữ lấy đất ở nơi ấy trước đây. Đất ở những nơi đã đi qua hãy còn bao gồm tại thế và diệt độ, tháp miếu cúng dường thì chỉ dựa theo sau khi diệt độ, cũng giống như trong kinh Pháp Hoa nói: “Cho đến đưa lên một tay... đều đã thành tựu Phật đạo.”

Mục 2- Từ “Phật tử, ngã kim cáo...” trở xuống là lợi ích của thấy nghe không tin tưởng, đây là trình bày về lợi ích sâu xa, kinh Như Lai Bí Mật Tạng trình bày: “Mắng chửi người uống thuốc thì có được sức lực, mắng chửi người đốt trầm thì về sau có hương thơm, mắng chửi Phật hãy còn hơn hẳn cung kính các ngoại đạo.” Nếu như vậy thì lẽ nào không có tội lỗi của mắng chửi? Tội lỗi của mắng chửi không phải là không có, nay nói về lợi ích dài lâu, bởi vì kinh Pháp Hoa nói: “Bạt-đà Bà-la... mắng chửi Thường Bất Khinh, ngàn kiếp ở trong địa ngục A-tỳ nhận chịu rất nhiều khổ não, kết thúc tội lỗi này rồi, trở lại gặp được Bồ-tát Thường Bất Khinh giáo hóa.” Kinh Niết Bàn đưa ra Dụ dùng chất độc xoa lên mặt trống, người muốn nghe-người không nghe, tất cả đều chết, cho nên danh hiệu của Bồ-tát, khởi lên từ ngày nghe đến rồi phỉ báng, phỉ báng hãy còn lợi ích dài lâu, hưởng hồ tin tưởng sâu sắc, hưởng hồ hiểu biết thực hành, hưởng hồ chứng đạt tổ ngộ hay sao? Người hoàng pháp thọ trì, cố gắng suy nghĩ về văn này!

Mục ba- Từ “Phật tử...” đến “Ứng như thị...” trở xuống là kết luận chỉ rõ, có thể biết.

Phần 2- Từ “Phật tử, Như Lai...” trở xuống là tổng quát để kết thúc giải đáp, chọn ra Dụ khác với pháp. Trên đây là Tánh Khởi thừa thĩnh thuyết giảng dựa vào ví dụ, Phổ Hiền theo lời thừa thĩnh trình bày về mười môn xuất hiện, đều dựa vào hình tượng để chọn lấy ví dụ, ý hiển bày về mục đích sâu xa huyền diệu của Phật. Mục đích sâu xa huyền diệu hãy còn không thể dùng Trí để nhận biết, lẽ nào ngôn từ-hình tượng mà có thể đạt tới hay sao? Vì vậy khiến cho bên ngoài quên hết ngôn từ-hình tượng, bên trong bắt dứt suy nghĩ tìm cầu, thì may ra mới có thể hiểu được mục đích của sự xuất hiện.

Phần năm: Từ “Phật tử, thử pháp môn...” trở xuống là phần hiển bày danh hiệu và thọ trì, trong đó phân hai: Phần trước là Trường hàng, phần sau là Kệ tụng.

Phần trước là Trường hàng, dựa theo bản kinh thời Tấn, trước phần này có các Bồ-tát nêu ra hai loại câu hỏi: Kinh này tên gọi là gì? Phụng trì như thế nào? Nay chỉ có giải đáp, tức là phân làm hai mục: Một-Hiển bày về tên gọi; hai-Từ “Phật tử, thử pháp môn...” trở xuống là trình bày về thọ trì, khiến cho nhận biết về tên gọi tổng quát, tìm theo tên gọi mong cầu tông chỉ, hiểu biết về pháp thọ trì, dựa vào đó mà tu trì.

Mục một- Hiển bày về tên gọi, có mười tên gọi phân ra làm năm cặp:

1- Trong sâu xa và ngoài bắt dứt làm một cặp, nghĩa là bên trong chứng được Tạng bí mật thuộc về ba đức, bên ngoài thì phàm phu-Tiểu thừa không thể suy lường.

2- Chứng đạt vắng lặng và mở mang về Trí làm một cặp.

3- Quả hiện rõ và nhân thành tựu làm một cặp, nghĩa là tánh thanh tịnh thuộc về vạn đức tức là chủng tánh Phật. Nay mười môn xuất hiện tức là nghĩa về hiện rõ.

4- Vượt qua thế gian và thuận theo Phật làm một cặp, thế gian hãy còn không nhận biết thì lẽ nào có thể phá hoại? Mười Thông này là cảnh thuộc phạm vi giới hạn của Phật.

5- Căn cơ thanh tịnh và thuyết giảng về Thật làm một cặp, bởi vì nhận biết chúng sinh và Phật cùng chung nguồn cội thì có thể thanh tịnh. Tánh tùy duyên bất biến là căn bản của chư Phật, mà tánh-tướng vô ngại, nhân-quả viên dung là không thể nghĩ bàn. Vượt qua điều này lại không có pháp nào làm cuối cùng. Chín tên gọi trước là nghĩa riêng biệt, một tên gọi sau là tổng quát đầy đủ.

Trong mục hai- Trình bày về thọ trì, có hai: 1- Phân rõ xác định về pháp khí; 2- Từ “Thị cố Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập.

Mục 1- Phân rõ xác định về pháp khí, có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp, có hai: Trước là nêu ra pháp khí-không phải là pháp khí. Không phải là pháp khí thì không làm, đó gọi là Quyền thừa-Tiểu thừa và Bất tư nghị thừa, trải qua thứ tự tu tập cho nên gọi là những chúng sinh khác. Đúng là pháp khí thì làm, đó gọi là căn cơ Viên giáo không chọn ra phàm-Thánh, hưởng đến Đại thừa thì chọn ra Tiểu thừa, Bất tư nghị thừa thì chọn ra Quyền thừa. Một vận dụng thì tất cả vận dụng, Thập Tín đầy đủ tâm thì thâm nhiếp các phần vị, viên dung vô ngại gọi là Bất tư nghị thừa. Sau từ “Thử pháp môn...” trở xuống là trình bày về tiếp nhận-không phải là tiếp nhận, giải thích về làm-không làm trên đây. Tự mình có niềm tin trọn vẹn, cho nên có thể tiếp nhận các hành, mà làm những việc nói trên, Quyền thừa-Tiểu thừa đối với điều này không hoàn toàn có thể tiếp nhận, vì thế cho nên không làm. Kinh Pháp Tập nói: “Kinh này tuy lưu hành ở cõi Diêm-phù-đề, mà đối với những người có thể tin tưởng sâu sắc Chánh pháp thì luôn luôn an trú như vậy.” Hành trong tự tâm của chúng sinh cũng có, bởi vì Tín-Giải-Hạnh-Chứng đều có nghĩa về tự mình, dùng những pháp sau phá trừ những pháp trước cũng là một Lý.

Trong Dụ, có thể biết.

Trong Hợp: Dùng kinh hợp với bảy báu, là bởi vì nếu không có pháp này thì không phải là Chân Phật. Sinh trong nhà Như Lai, hợp với Thái tử do phu nhân thứ nhất sinh ra. Tướng của Như Lai, là tâm ban đầu nhanh chóng thực hành theo hạnh của Phật.

Tán diệt có hai nghĩa: a- Không có thể tin tưởng tiếp nhận thì giáo pháp không lưu hành; b- Không có thể tu tập thực hành thì thực hành những điều không thực hành. Luận Bát Nhã nói: “Lúc giáo pháp sắp hoại diệt, là bởi vì không có tu tập thực hành.” Sau giải thích về nguyên cố của tán diệt, có thể biết.

Trong mục 2 là nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập, có ba tiết: Một-Sơ lược nêu lên giải thích; hai-Từ “Phật tử, thiết hữu...” trở xuống là mở rộng giải thích về nguyên cố; ba-Từ “Phật tử...” đến “Thành tựu như thị công đức...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích.

Ngay trong tiết hai là mở rộng giải thích về nguyên cố, có hai: 1- Hiện bày ngược lại; 2- Giải thích thuận theo.

Tiết 1- Hiện bày ngược lại: Nếu không dựa vào giáo pháp này thì

dù cho nhiều kiếp tu tập thực hành, hãy còn không phải là chân thật, huống hồ có thể nhanh chóng đạt được Bồ-đề hay sao? Trong này nói giả sử có, tựa như là giả thiết, hướng về lời của Từ Thị khen ngợi Thiện Tài: “Các vị Bồ-tát khác, trải qua trăm ngàn vạn ức Na-do-tha kiếp, mới có thể đầy đủ nguyện hạnh của Bồ-tát, nay Thiện Tài trong một đời thì có thể làm thanh tịnh cõi Phật...” Đây là nêu ra Quyền để hiển bày Thật, chứ không phải là giả thiết.

Nếu thật có pháp này mà người không tin tưởng, thì người này là ở phần vị nào? Văn không có phân định mà nghĩa thì thích hợp ở phần vị Tam Hiền, bởi vì tiến vào Chứng Thánh nhất định phải là Tín tròn vẹn. Nếu dựa theo Giáo đạo thì trải qua ba A-tăng-kỳ cũng chưa tiến vào sâu xa, cho nên phạm phu có thể lập tức tin tưởng, là bởi vì nhân vốn có huân tập về nghe làm chủng tử riêng biệt, nay lại không tin tưởng thì vị lai lẽ nào được nghe?

Trong tiết 2- Từ “Nhược đắc văn...” trở xuống là giải thích thuận theo, có hai: a- Trình bày về lợi ích của được nghe-tin tưởng sinh trong nhà Như Lai; b- Từ “Phật tử...” đến “Văn thử pháp dĩ tác năng...” trở xuống là lợi ích về tin tưởng được nghe thành tựu hạnh.

Tiết a- Trình bày về lợi ích của được nghe-tin tưởng sinh trong nhà Như Lai, có hai: Trước là trình bày về được nghe và tin tưởng; sau từ “Đương tri...” trở xuống là thành tựu lợi ích, sinh trong nhà Như Lai là tổng quát, những câu còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt:

1- Dùng cảnh giới của Như Lai làm nhà, Vô Tánh luận rằng: “Sinh trong nhà Như Lai, nghĩa là pháp giới của Phật, chứng hợp với pháp giới này, gọi là sinh trong nhà Như Lai.”

2- Dùng pháp thực hành làm nhà, bởi vì đầy đủ gia pháp.

3- Dùng cảnh giới của thế tục làm nhà, Thế Thân giải thích rằng: “Bởi vì từ đây có thể khiến cho chủng tánh của chư Phật không đoạn tuyệt.”

4- Xa lìa nhà không thích hợp.

5- Dùng hạnh của Phật làm nhà, luận Thập Trú Tỳ Bà Sa quyển thứ 1 nói: “Nay Bồ-tát này, hành đạo của Như Lai nối tiếp nhau không gián đoạn.” Rộng ra như Luận ấy giải thích.

6- Dùng pháp tánh của Bồ-tát làm nhà, cũng là chủng tánh của Phật, cho nên cũng giống với cảnh giới Nhất Như của Như Lai.

7- Thanh tịnh là nhà của chư Phật.

8- Trú trong nhà của Phật vốn có.

9- Tổng quát trình bày về ngôi nhà Vô ngại của nhân-quả, sự-ly. Sáu loại trước là ngôi nhà thuộc Tự phần, ba loại sau là ngôi nhà thuộc Thắng tiến. Trước đây, bởi vì Trú thứ nhất thấy rõ tâm tánh, cho nên gọi là sinh trong nhà; Địa thứ tư nương vào pháp xuất thế, cho nên sinh trong nhà Đạo phẩm; Địa thứ tám không còn dụng công, cho nên sinh trong nhà Vô sinh pháp nhẫn. Nay ở đây nói thông ba loại, bao gồm hiển bày về tâm hiểu biết của phàm phu cũng gọi là sinh trong nhà, bởi vì nhân quả vô ngại.

Tiết b là lợi ích về tin tưởng được nghe thành tựu hạnh, văn có mười câu phân làm năm cặp Vô ngại: 1- Tức là Quán không ngăn ngại đối với Chỉ. 2- Thấy Phật không ngăn ngại tiến vào pháp. 3- Pháp giới thuộc hành của Trí không ngăn ngại đẩy khởi Phước. 4- Trí không nhiệm thế gian không ngăn ngại Bi tiến vào. 5- Thế bất dứt ba đời không ngăn ngại Dụng mà hồi hướng. Không tiến vào mà tiến vào, giải thích về nghĩa của tiến vào nói trên. Từ “Bất ư dĩ...” trở xuống, là trở lại giải thích về không tiến vào mà tiến vào. Thế của Trí tức là Như, ngoài Như không có pháp mà duyên có thể dựa vào, cho nên không có thể tiến vào. Không còn nơi hiện hành của tâm (Tâm hành xứ diệt), vắng lặng không có tiến vào, mà không mất đi Dụng của soi chiếu. Luôn luôn dùng Nhất Như mà quán sát các pháp, cho nên nói mà tiến vào (Nhi nhập). Hai loại này vô ngại mới là chân thật tiến vào. Lại một tức là Như, thì ở trong một đã thấy tất cả.

Tiết ba là tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích, có thể biết.

Phần sau là Kệ tụng, tức là thuộc về lợi ích của thấy nghe ở đoạn thứ mười. Không tụng về mục hiển bày tên gọi và thọ trì, bởi vì hiển bày tên gọi và thọ trì tự có tụng ở văn sau. Phần tụng này phải ở trước phần chọn ra Dụng khác với pháp, bởi vì phần Trường hàng trước đây đan xen trong mục hiển bày tên gọi, cũng là lợi ích của thấy nghe. Nếu kệ này quay lại ở sau phần biểu hiện điềm lành, nối tiếp nhau với kệ sau, thì văn lý rất thuận.

Bốn kệ phân hai: Một kệ đầu, tụng về Pháp Thuyết; ba kệ sau, như thứ tự tụng về ba Dụng trước đây.

Phần sáu: Phần biểu hiện điềm lành chứng minh thành tựu, trong đó có hai: Một- Biểu hiện điềm lành; Hai- Chứng minh thành tựu.

Mục một- Biểu hiện điềm lành: 1- Thế giới này; 2- Tương tự nối thông. Số lượng thế giới lay động đều rộng nhiều, là bởi vì pháp khó nghĩ bàn.

Trong mục hai- Từ “Thị thời thập phương...” trở xuống là chứng

minh thành tựu, có hai: 1- Người chứng minh thuộc về quả; 2- Người chứng minh thuộc về nhân.

Sở dĩ đầy đủ cả hai, là bởi vì pháp huyền diệu, pháp của nhân quả đan xen xuyên suốt, pháp của nhân tròn vẹn-quả đầy đủ. Các Hội trước đây chỉ là Bồ-tát, bởi vì chỉ là hành thuộc về nhân. Trong phẩm Phát Tâm chỉ là chứng được quả, là căn bản của quả, bởi vì mới phát tâm thành Phật là khó tin nhận. Tùy theo nghĩa khác nhau, cho nên không có lẫn nhau, chỉ ở đây đầy đủ hai loại.

Mục 1- Người chứng minh thuộc về quả, phân bốn tiết: Một- Hiện thân. Hai- Từ “Nhi tác...” trở xuống là khen ngợi thuyết giảng. Ba- Từ “Phật tử, ngã đẳng...” trở xuống là dẫn ra thuyết giảng chứng minh thành tựu, bao gồm trình bày kết luận nối thông về pháp đã thuyết giảng, một thuyết giảng vốn là tất cả thuyết giảng. Bốn- Từ “Phật tử, kim thử hội...” trở xuống là nêu ra lợi ích chứng minh thành tựu.

Trong tiết bốn, có bốn: 1- Đạt được lợi ích về đầy đủ quả ở phần vị của nhân, trong một đời mà đạt được Bồ-đề, Thần thông Tam-muội, tức là Thập Thông-Thập Định. 2- Từ “Phật sát vi trần...” trở xuống là đạt được lợi ích của phát tâm, và thọ ký vượt xa là không kỳ hạn mà nhanh chóng thành tựu. Lại trước trình bày về một đời là một ngay nơi nhiều, ở đây phân rõ về nhiều kiếp là nhiều ngay nơi một. Một-nhiều đã viên dung thì kiếp số đâu nhất định, vọng sinh ra nhiều kiếp mà mặt trời Trí tuệ không thay đổi. Nếu như chấp vào ngắn dài, thì không mong mỗi thành Phật. Cùng chung danh hiệu Phật là Thù Thắng Cảnh, bởi vì duyên vào cảnh xuất hiện của Phật. 3- Từ “Ngã đẳng...” trở xuống là lợi ích được hộ trì lâu dài. 4- Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận về lợi ích rộng khắp mọi nơi.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời thập phương...” trở xuống là người chứng minh thuộc về nhân, trong đó có bốn tiết:

Tiết một- Trình bày về nhân quy tụ, trước là người chứng minh thuộc về quả, nương theo nhân biểu hiện điềm lành trước đây, cho nên lược qua không thuật lại. Nay ở đây hiển bày về nhân quả riêng biệt, cho nên mở rộng đưa ra nhân quy tụ, văn hiển bày có thể biết.

Tiết hai- Từ “Thập phương các quá...” trở xuống là trình bày về hiện thân, tuy đến từ mười phương mà rộng khắp mọi nơi pháp giới, thì đến mà ngay nơi không đến.

Tiết ba- Từ “Thị hiện Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về Đức Dụng của các vị ấy, vẫn có mười câu hiển bày rõ ràng.

Tiết bốn- Từ “Dĩ Phật thân lực...” trở xuống là phát ra lời nói thành

thật chứng minh. Đều cùng tên gọi là Phổ, là bởi vì pháp rộng khắp giống nhau. Thế giới và danh hiệu Phật khác nhau, bởi vì không mất đi chủ-bạn. Phổ Quang Minh, là quốc độ Thường Tịch Quang, không có gì không rộng khắp. Danh hiệu Phật là Phổ Tràng Tự Tại, là Bốn Trí cao vượt lên, không có gì không phá tan, vốn là Sự-Lý vô ngại, bao gồm nêu ra kết luận nổi thông về pháp đã thuyết giảng.

Phần bảy: Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là dùng kệ để tổng quát thân nhiếp, trong văn có hai mục: Một- Ý thuật lại; Hai- Chính thức nói tụng.

Trong mục một- Ý thuật lại, có hai: 1- Nghi thức thuyết kệ. 2- Từ “Dục trùng...” trở xuống là phân rõ về ý, bởi vì muốn trở lại hiển bày về mười môn xuất hiện trước đây.

Văn có mười câu, mỗi câu đều nói về một môn, mà dựa theo lợi ích chúng sinh làm thứ tự không giống nhau: 1- Thành tựu Chánh giác; 2- Tức là Pháp luân; 3- Là thấy nghe phát sinh thiện căn. Bởi vì ba môn này chính thức hiển bày về lợi ích. 4- Tức là pháp xuất hiện, là môn tổng quát trước đây; 5- Tức là Tâm dựa theo Trí mà hiển bày; 6- Tức là Viên âm; 7- Tức là cảnh giới, cảnh giới vô lượng, ánh sáng phát ra cũng nhiều; 8- Tức là Niết-bàn động-tịch tự tại, Đại Bát Niết-bàn vốn làm trang nghiêm cho Phật; 9- Tức là thân dựa vào căn bản mà nói chỉ một; 10- Tức là trong quả thuộc hành mà nói về nhân.

Trong mục hai- Chính thức nói tụng, có bốn kệ: Một kệ đầu, tụng về phần kết thúc giải đáp trong phần Thuyết giảng, bởi vì phần này bao gồm toàn bộ ý của mười đoạn. Ba kệ sau, tụng về phần hiển bày tên gọi và thọ trì, câu đầu là hiển bày về tên gọi, còn lại đều là khuyến khích thọ trì. Lại phân làm ba: Kệ đầu là ca ngợi về sâu xa khó nghe nổi; kệ tiếp là trình bày về nghe nhờ vào nhiều thiện căn; kệ sau là nêu ra thù thắng khuyến khích thọ trì.

Nhưng một phẩm này, ý nghĩa của văn rộng lớn sâu xa, chủ động nhanh chóng (Đốn), chủ động tròn vẹn (Viên), suy xét về tâm thanh tịnh thuộc tự tánh (Bốn nguyên) của chúng sinh, tận cùng biển cả sâu thẳm (Uyên hải) của chư Phật. Nội dung của Pháp luân căn bản lại ở trong tâm ấy, sinh ra ở giữa chủng tử của Kim luân, lại làm con dòng chính (Đích tử), Diệu ở trong Diệu, Huyền ở trong Huyền. Tất cả ở trong tâm của chủng loại bình thường, ít công sức mà có thể nhanh chóng chứng được, lẽ nào có thể tự lừa dối mình không tiếp nhận, mãi mãi chìm trong sinh tử hay sao? Nay nghe hiểu có thể vui mừng, càng cần phải tự mừng cho thiện căn xưa kia của mình! Phẩm Xuất Hiện, xong.